

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt và bà Huỳnh Thị Thuý Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Nhuận là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Kiều Văn Liêu là Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Chí T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1994; nơi sinh: tỉnh An Giang; nơi thường trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1966 (chết); có 03 anh em, bị cáo thứ ba; chưa có vợ, con. *Nhân thân:* Ngày 07 tháng 02 năm 2025, bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C (nay là cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh A), khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản”. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo T đang bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 07 tháng 02 năm 2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1988 nơi cư trú: Ấp M, xã M, tỉnh An Giang. (có mặt)

- **Người làm chứng:** Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Thị Kim T3 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 13 tháng 11 năm 2020, Nguyễn Chí T nhờ Nguyễn Hoàng T1 chở đến nhà nghỉ A, thuộc khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là L, tỉnh An Giang) để thuê phòng ngủ qua đêm. Đến đây, T gặp chị Nguyễn Thị Ngọc B là lễ tân của nhà nghỉ và đưa giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T4 do T nhật được để thuê phòng. Lúc này, T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu đỏ đen, biển số 67B2-423.69 của chị B dựng cạnh quầy lễ tân, chìa khoá loại remote để trong hộc xe nên nảy sinh ý định lấy trộm. Thực hiện ý định này, sau khi được chị B bố trí phòng 104 ở tầng 1 của nhà nghỉ, T lên phòng cố ý xả vòi nước rồi đi xuống báo với chị B vòi nước bị hư để chị B lên kiểm tra, còn T lợi dụng lúc không có người trông giữ lấy trộm xe mô tô của chị B điều khiển đến khu vực cầu C trong bán cho người tên S chưa rõ nhân thân với giá 4.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

* Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, xác định: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu vario 150, loại xe số, màu sơn đỏ, đen, số khung MH1KF4111KK573464, số máy: KF41E1573884, biển số 67B2 – 423.69, trị giá: 52.695.000 đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, xử lý vật chứng: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T2.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKSKV9 ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 truy tố bị cáo Nguyễn Chí T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Chí T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày nội dung phù hợp với Cáo trạng nêu trên. Bị hại yêu cầu xử lý hình sự bị cáo theo quy định pháp luật, đề nghị buộc bị cáo bồi thường xe mô tô theo định giá là 52.695.000 đồng.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày nội dung phù hợp với Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị: Về trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu sung tiêu huỷ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T2. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc B chiếc xe mô tô trị giá 52.695.000 đồng.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì khác, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều thực hiện đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Chí T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Nguyễn Chí T đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 67B2 – 423.69, trị giá: 52.695.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Chí T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lẽ ra phải lao động tích cực, sống lành mạnh tạo lập cuộc sống cho gia đình để trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Bị cáo T có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Về tính chất của vụ án là nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo cố tình trốn tránh, đến khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của một vụ án khác ở địa phương thì mới tiếp tục điều tra vụ án. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người rất xem thường pháp luật nên việc áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc là cần thiết. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản, thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T2 mà bị cáo lượm được sử dụng vào việc phạm tội, anh T2 đã khai báo mất và đã được cơ quan công an cấp lại giấy chứng minh nhân dân khác cho anh T2, do đó giấy chứng minh nhân dân đã thu giữ không còn giá trị nên tịch thu tiêu huỷ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc B chiếc xe mô tô trị giá 52.695.000 đồng.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T2.

(Vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh An Giang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 9)

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí T có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc B chiếc xe mô tô trị giá 52.695.000đ (năm mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Chí T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.634.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1)
- Người tham gia tố tụng (1);
- VKSND khu vực 9 – An Giang (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phân trại tạm giam khu vực Long Xuyên (2);
- Phòng THADS khu vực 9 – An Giang (1);
- Bộ phận THA.HS (2);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn

